

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK R'TIH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Công	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Võ Thái	Trưởng ban
Ông Trần Quý Đạt	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Thế	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Văn Thịnh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

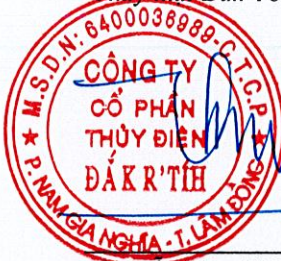
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê được lập ngày 12 tháng 05 năm 2026, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

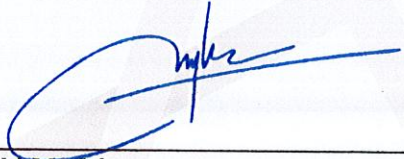
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2026


Nguyễn Thị Mỹ Lộc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 6335-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		410.327.900.812	544.606.557.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.391.888.080	22.233.115.823
111	1. Tiền		4.391.888.080	8.133.115.823
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	14.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	15.300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	15.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		385.431.713.120	497.507.469.709
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	277.750.354.923	355.349.657.701
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	10.996.905.853	11.519.661.571
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	97.500.000.000	128.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	10.031.398.437	12.105.096.530
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.846.946.093)	(9.466.946.093)
140	IV. Hàng tồn kho	10	8.104.487.158	7.264.968.205
141	1. Hàng tồn kho		8.104.487.158	7.264.968.205
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.399.812.454	2.301.003.812
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.259.259.839	1.778.606.546
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		85.076.330	343.783.589
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	55.476.285	178.613.677
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.507.641.481.910	2.429.539.691.108
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.710.000	10.710.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	10.710.000	10.710.000
220	II. Tài sản cố định		1.923.999.742.719	2.025.804.044.409
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.678.686.455.490	1.772.991.412.744
222	- Nguyên giá		3.891.946.642.855	3.884.467.428.909
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.213.260.187.365)	(2.111.476.016.165)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	245.313.287.229	252.812.631.665
228	- Nguyên giá		455.109.882.508	455.109.882.508
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.796.595.279)	(202.297.250.843)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		18.798.593.877	966.262.651
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.798.593.877	966.262.651
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	479.754.994.517	299.301.958.367
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		479.754.994.517	299.301.958.367
260	VI. Tài sản dài hạn khác		85.077.440.797	103.456.715.681
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	41.478.392.040	54.044.460.423
269	2. Lợi thế thương mại		43.599.048.757	49.412.255.258
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.917.969.382.722	2.974.146.248.657

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.296.891.350.343	1.373.368.083.825
310	I. Nợ ngắn hạn		578.639.511.228	418.287.718.727
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	8.639.005.654	5.555.492.581
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.128.663.353	27.167.982.282
314	3. Phải trả người lao động		2.299.982.102	1.976.965.252
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.186.360.392	5.714.888.283
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	19.844.481.147	17.188.274.719
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	483.013.512.866	345.501.620.250
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.527.505.714	15.182.495.360
330	II. Nợ dài hạn		718.251.839.115	955.080.365.098
331	1. Phải trả người bán dài hạn	16	-	9.811.584.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	61.604.391.439	61.604.391.439
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	652.784.375.000	879.321.875.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.a	3.863.072.676	4.342.514.659
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.621.078.032.379	1.600.778.164.832
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.621.078.032.379	1.600.778.164.832
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		131.731.352.000	131.731.352.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.062.463.077	54.062.463.077
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.786.574.982	20.786.574.982
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		287.772.464.171	273.249.489.006
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		62.899.489.006	44.410.193.975
421b	LNST chưa phân phối năm nay		224.872.975.165	228.839.295.031
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		126.725.178.149	120.948.285.767
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.917.969.382.722	2.974.146.248.657

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	843.660.268.446	761.480.783.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		843.660.268.446	761.480.783.249
11	4. Giá vốn hàng bán	24	299.390.844.481	264.252.152.508
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		544.269.423.965	497.228.630.741
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	37.095.651.653	18.898.127.245
22	7. Chi phí tài chính	26	74.648.090.102	68.183.456.953
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>74.648.090.102</i>	<i>67.738.800.907</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	23.355.027.413	33.240.805.974
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		483.361.958.103	414.702.495.059
31	12. Thu nhập khác	28	4.182.654.003	465.993.057
32	13. Chi phí khác	29	1.318.439.489	11.108.581.932
40	14. Lợi nhuận khác		2.864.214.514	(10.642.588.875)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		486.226.172.617	404.059.906.184
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	46.379.197.897	23.917.497.677
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.b	(479.441.983)	1.377.361.937
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		440.326.416.703	378.765.046.570
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		425.247.960.486	379.120.697.263
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		15.078.456.217	(355.650.693)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	4.252	3.791

Nguyễn Thị Phượng
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		486.226.172.617	404.059.906.184
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		115.349.460.008	114.831.184.672
03	- Các khoản dự phòng		1.380.000.000	8.497.214.369
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(36.644.867.096)	(12.326.756.887)
06	- Chi phí lãi vay		74.648.090.102	67.738.800.907
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		640.958.855.631	582.800.349.245
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		79.924.486.804	53.842.614.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(839.518.953)	(2.768.262.437)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(126.584.985)	(114.876.071.010)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		12.085.415.090	10.243.558.052
14	- Tiền lãi vay đã trả		(74.313.813.700)	(76.820.219.379)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.327.621.283)	(26.890.286.939)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.641.538.802)	(21.674.219.283)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		610.719.679.802	403.857.462.995
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.239.969.964)	(12.782.376.265)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		283.636.364	126.197.333
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(666.000.000.000)	(294.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		711.800.000.000	390.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(180.453.036.150)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	19.590.584.251
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.690.032.089	19.730.879.985
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(122.919.337.661)	122.665.285.304

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

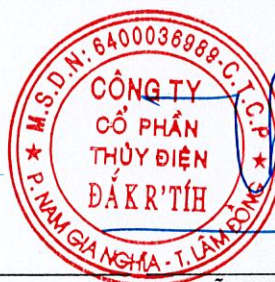
Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		331.350.135.951	1.898.339.724.413
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(420.375.743.335)	(1.685.666.609.699)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(406.615.962.500)	(748.104.269.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(495.641.569.884)</i>	<i>(535.431.154.286)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.841.227.743)	(8.908.405.987)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.233.115.823	31.141.521.810
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>14.391.888.080</u>	<u>22.233.115.823</u>

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.000.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 1.000.000.000.000 VND; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 117 người (tại ngày 01/01/2025 là 117 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện);
- Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, đầu tư thủy điện);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn giám sát: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị và dụng cụ điện);
- Đào tạo trung cấp; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nhà máy điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 tăng 47.040.793.224 VND (tương đương mức tăng 46,21%) so với năm trước. Trong năm 2025, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 82.179.485.197 VND (tương đương mức tăng 30,07%), giá vốn hàng bán tăng 35.138.691.973 VND (tương đương mức tăng 16,11%) so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do mùa mưa đến sớm và kéo dài, lượng mưa trong năm tăng tác động đến lượng nước tại hồ chứa thủy điện, làm cho sản lượng điện sản xuất và phát hòa vào lưới điện quốc gia tăng. Bên cạnh đó, chi phí thuế tài nguyên và dịch vụ môi trường tăng tương ứng với sản lượng, các khoản chi phí sửa chữa do ảnh hưởng của sạt lở phát sinh vào cuối năm trước tiếp tục phân bổ vào năm nay là nguyên nhân làm cho giá vốn tăng.

Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thủy Điện Bảo Lâm Lâm Đồng (*)	Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	Lâm Đồng	58,91%	58,91%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Lâm Đồng	70,56%	70,56%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

(*) Công ty đã có quyết định chấm dứt thực hiện đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm và kế hoạch giải thể Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 05 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.
- Chi phí cấp quyền khai thác nước được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Chính sách ưu đãi thuế
Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Các ưu đãi thuế
Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 320/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền tải điện. Thời hạn hiệu lực còn được áp dụng như sau: - Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính: Đến năm 2026; - Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich: Đến năm 2033; - Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar: Đến năm 2034.
Khoản 1, Điều 20, Nghị định số 320/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025	Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Thời hạn hiệu lực còn được áp dụng như sau: - Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich: Đến năm 2031; - Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar: Đến năm 2032.

- d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:
- Thuế suất 10% đối với thu nhập phát sinh từ các nhà máy thủy điện;
 - Thuế suất 20% đối với các thu nhập còn lại.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng và bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	199.289.212	1.142.235.302
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	4.192.598.868	6.990.880.521
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	10.000.000.000	14.100.000.000
	14.391.888.080	22.233.115.823

⁽¹⁾ Tại 31/12/2025, tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Thủy Liên Gich có giá trị 988.339.771 VND được gửi tại Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng trên. (Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số 20*).

⁽²⁾ Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,0%/năm đến 4,4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	15.300.000.000	-
	-	-	15.300.000.000	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (Mã "SHP")	479.754.994.517	531.897.774.000	299.301.958.367	361.843.443.800
	479.754.994.517	531.897.774.000	299.301.958.367	361.843.443.800

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam là giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua 5.163.177 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam với giá phí đầu tư ban đầu là 185.616.213.150 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2025, Công ty đang sở hữu 15.621.080 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Trong đó, khoản cổ tức trước giai đoạn đầu tư tương ứng đã nhận được trong năm ghi giảm giá gốc khoản đầu tư là 5.163.177.000 VND.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Mua bán điện	251.795.395.290	-	348.134.423.694	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (*)	25.351.944.901	-	6.612.219.275	-
Các đối tượng khác	603.014.732	(603.014.732)	603.014.732	(603.014.732)
	277.750.354.923	(603.014.732)	355.349.657.701	(603.014.732)

(*) Tại ngày 31/12/2025, khoản phải thu khách hàng này với giá trị 14.355.981.654 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Sinopac. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 20).

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ASIA	9.600.000.000	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(8.220.000.000)
Công ty TNHH Xây dựng Thủy bộ Hòa Bình	-	-	855.185.947	-
Các đối tượng khác	1.396.905.853	(398.667.224)	1.064.475.624	(398.667.224)
	10.996.905.853	(9.998.667.224)	11.519.661.571	(8.618.667.224)



Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN						
Cho vay ngắn hạn - Bên liên quan						
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	38.000.000.000	-	62.500.000.000	100.500.000.000	-	-
Ông Bùi Quốc Trung	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	-	-
Bà Hoàng Thị Anh Trang ⁽¹⁾	-	-	246.100.000.000	231.100.000.000	15.000.000.000	-
Bà Vũ Ngọc Đan Thanh ⁽²⁾	-	-	155.000.000.000	142.500.000.000	12.500.000.000	-
Ông Đặng Việt Dũng ⁽³⁾	-	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Bà Nguyễn Hồng Phương ⁽⁴⁾	-	-	42.400.000.000	27.400.000.000	15.000.000.000	-
Bà Đinh Thị Thúy	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Bà Đặng Phương Thảo	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trung Việt	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
	128.000.000.000	-	666.000.000.000	696.500.000.000	97.500.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Bảo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay:**

Hợp đồng cho vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025
(1) Bà Hoàng Thị Anh Trang					
- Hợp đồng vay tiền số 30/2025/DaHC-CN ngày 27/11/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	03 tháng và tự động tái tục	Đảm bảo bằng cổ phần do Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ phần phát hành thuộc sở hữu của Bên vay đã dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0255/VCBTDN/KHDN/25/ HĐBĐ (Xem thêm tại <i>Thuyết minh số 20</i>).	5.000.000.000
- Hợp đồng vay tiền số 10.12/2025/DaHC-CN ngày 10/12/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,2%/năm	06 tháng và tự động tái tục		10.000.000.000
(2) Bà Vũ Ngọc Đan Thanh					
Hợp đồng vay tiền số 20/2025/DaHC-CN ngày 24/10/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	01 tháng và tự động tái tục	(*)	12.500.000.000
(3) Ông Đặng Việt Dũng					
Hợp đồng vay tiền số 28/2025/DaHC-CN ngày 25/11/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	06 tháng và tự động tái tục	(*)	55.000.000.000
(4) Bà Nguyễn Hồng Phương					
Hợp đồng vay tiền số 15.12/2025/DaHC-CN ngày 15/12/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	01 tháng và tự động tái tục	(*)	15.000.000.000
					97.500.000.000

(*) Các hợp đồng cho vay với cá nhân được đảm bảo bằng cổ phần do Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ phần phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê nhà Tân Bách Việt đã dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0254/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ (Xem thêm tại *Thuyết minh số 20*).

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	847.216.523	-	1.500.330.959	-
Tạm ứng	3.936.712.048	-	5.901.680.048	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Các khoản chi hộ	2.465.085.198	-	2.944.500.000	-
Phải thu khác	2.767.384.668	(245.264.137)	1.743.585.523	(245.264.137)
	10.031.398.437	(245.264.137)	12.105.096.530	(245.264.137)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	3.920.500.000	-	4.875.648.541	-
Ông Võ Thái	3.346.500.000	-	3.580.180.048	-
Ông Chu Văn Quyền	419.000.000	-	737.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thịnh	155.000.000	-	265.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	-	-	293.468.493	-
Bên khác	6.110.898.437	(245.264.137)	7.229.447.989	(245.264.137)
Các đối tượng khác	6.110.898.437	(245.264.137)	7.229.447.989	(245.264.137)
	10.031.398.437	(245.264.137)	12.105.096.530	(245.264.137)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.710.000	-	10.710.000	-
	10.710.000	-	10.710.000	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	603.014.732	-	603.014.732	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	489.291.194	-	489.291.194	-
Nguyễn Thị Ngọc	113.723.538	-	113.723.538	-
Trả trước cho người bán	9.998.667.224	-	9.998.667.224	1.380.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ASIA	9.600.000.000	-	9.600.000.000	1.380.000.000
Công ty TNHH Đức Kim Long	129.852.600	-	129.852.600	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Thái Bình Dương	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Phú Hữu Lợi	53.314.624	-	53.314.624	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Thiên Ngân	115.500.000	-	115.500.000	-
Phải thu khác	245.264.137	-	245.264.137	-
Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên	245.264.137	-	245.264.137	-
	10.846.946.093	-	10.846.946.093	1.380.000.000

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	289.817.920	-	219.003.182	-
Công cụ, dụng cụ	7.812.172.685	-	7.045.965.023	-
Hàng hoá	2.496.553	-	-	-
	8.104.487.158	-	7.264.968.205	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Típ

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.533.273.686.031	1.130.934.458.565	43.145.666.040	3.107.535.879	174.006.082.394	3.884.467.428.909
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.803.629.026	-	-	-	-	4.803.629.026
- Mua trong năm	-	3.203.734.712	75.000.000	325.275.000	-	3.604.009.712
- Thanh lý, nhượng bán	-	(928.424.792)	-	-	-	(928.424.792)
Số dư cuối năm	2.538.077.315.057	1.133.209.768.485	43.220.666.040	3.432.810.879	174.006.082.394	3.891.946.642.855
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.060.828.026.333	996.888.054.114	18.790.862.358	2.612.175.590	32.356.897.770	2.111.476.016.165
- Khấu hao trong năm	80.025.229.184	12.913.113.161	3.038.673.715	233.868.387	5.826.024.624	102.036.909.071
- Thanh lý, nhượng bán	-	(252.737.871)	-	-	-	(252.737.871)
Số dư cuối năm	1.140.853.255.517	1.009.548.429.404	21.829.536.073	2.846.043.977	38.182.922.394	2.213.260.187.365
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.472.445.659.698	134.046.404.451	24.354.803.682	495.360.289	141.649.184.624	1.772.991.412.744
Tại ngày cuối năm	1.397.224.059.540	123.661.339.081	21.391.129.967	586.766.902	135.823.160.000	1.678.686.455.490

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.655.720.138.474 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 952.152.612.771 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	454.685.202.102	424.680.406	455.109.882.508
Số dư cuối năm	454.685.202.102	424.680.406	455.109.882.508
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	201.919.359.309	377.891.534	202.297.250.843
- Khấu hao trong năm	7.452.555.564	46.788.872	7.499.344.436
Số dư cuối năm	209.371.914.873	424.680.406	209.796.595.279
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	252.765.842.793	46.788.872	252.812.631.665
Tại ngày cuối năm	245.313.287.229	-	245.313.287.229

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ Diện tích đất 3.000 m² tại tỉnh Lâm Đồng hiện đang được sử dụng làm văn phòng Công ty. Quyền sử dụng đất này có thời hạn đến tháng 02/2063.

+ Diện tích đất 1.376.285 m² tại tỉnh Lâm Đồng hiện đang được sử dụng làm Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê và các công trình phụ trợ. Quyền sử dụng đất này có thời hạn đến tháng 12/2058.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 245.313.287.229 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 424.680.406 VND.

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Xử lý sạt lở khu vực dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	13.468.526.104	-
Xử lý chống thấm bờ phải kênh dẫn nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	4.754.228.308	-
Các công trình khác	575.839.465	966.262.651
	18.798.593.877	966.262.651

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	61.307.521	196.346.076
Chi phí bảo hiểm	1.315.743.891	1.264.641.365
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	882.208.427	317.619.105
	<u>2.259.259.839</u>	<u>1.778.606.546</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	628.974.309	1.400.739.135
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng ứng trước (*)	23.448.257.979	23.448.257.979
Chi phí sửa chữa lớn	14.315.462.615	23.450.984.501
Chi phí sửa chữa khu tái định cư	53.321.647	2.036.886.987
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.032.375.490	3.707.591.821
	<u>41.478.392.040</u>	<u>54.044.460.423</u>

(*) Khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich - Công ty con đã ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Lâm Hà. Công ty đã nộp hồ sơ xin bù trừ khoản tiền trên với tiền thuê đất phát sinh phải nộp hàng năm, được Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng và UBND huyện Lâm Hà chấp thuận theo Biên bản họp ngày 22/03/2024. Hiện tại, hồ sơ đang trình UBND tỉnh Lâm Đồng xem xét phê duyệt.

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	58.132.065.009	47.352.000	58.179.417.009
Số dư cuối năm	<u>58.132.065.009</u>	<u>47.352.000</u>	<u>58.179.417.009</u>
Số phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	8.719.809.751	47.352.000	8.767.161.751
- Số phân bổ trong năm	5.813.206.501	-	5.813.206.501
Số dư cuối năm	<u>14.533.016.252</u>	<u>47.352.000</u>	<u>14.580.368.252</u>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	49.412.255.258	-	49.412.255.258
Số dư cuối năm	<u>43.599.048.757</u>	<u>-</u>	<u>43.599.048.757</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên khác				
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	3.000.000.001	3.000.000.001	3.500.000.001	3.500.000.001
Công ty TNHH Thoá Phúc	1.493.739.847	1.493.739.847	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị Công nghiệp Sài Gòn	609.814.150	609.814.150	-	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Thiên Hoàng Gia	547.806.024	547.806.024	-	-
Các đối tượng khác	2.987.645.632	2.987.645.632	2.055.492.580	2.055.492.580
	<u>8.639.005.654</u>	<u>8.639.005.654</u>	<u>5.555.492.581</u>	<u>5.555.492.581</u>
b) Dài hạn				
Bên khác				
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Tân Thế Kỷ Trùng Khánh	-	-	9.811.584.000	9.811.584.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.811.584.000</u>	<u>9.811.584.000</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	87.626.060		2.178.739.039		62.766.655.793		60.860.646.658		1.114.619		3.998.236.733	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.361.666		19.981.330.178		45.665.317.511		31.327.621.283		54.361.666		34.319.026.406	
Thuế Thu nhập cá nhân	36.625.951		645.357.390		4.747.453.347		4.765.279.418		-		590.905.368	
Thuế Tài nguyên	-		2.863.794.747		92.568.814.479		89.825.634.530		-		5.606.974.696	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		137.726.881		137.726.881		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		646.443.000		646.443.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		1.498.760.928		39.464.402.106		37.349.642.884		-		3.613.520.150	
	178.613.677		27.167.982.282		245.996.813.117		224.912.994.654		55.476.285		48.128.663.353	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Chi phí lãi vay	5.624.327.653		5.143.338.922	
Trích trước chi phí quản lý vận hành, xử lý sự cố thiết bị viễn thông, đường dây	383.921.824		383.921.824	
Chi phí phải trả khác	178.110.915		187.627.537	
	6.186.360.392		5.714.888.283	

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	67.544.300	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.653.121.742	11.229.084.242
Phải trả lãi vay	5.435.728.914	5.582.441.243
Các khoản phải trả, phải nộp khác	688.086.191	376.749.234
	19.844.481.147	17.188.274.719
b) Dài hạn		
Phải trả Công ty Beijing IWHR Corporation chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh (*)	60.402.708.907	60.402.708.907
Phải trả Công ty Cổ phần 389 chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh	1.201.682.532	1.201.682.532
	61.604.391.439	61.604.391.439
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Ông Đặng Chính Trung	5.435.728.911	5.435.728.911
Ông Nguyễn Văn Thịnh	144.000.000	144.000.000
Ông Chu Văn Quyền	146.086.957	-
Ông Võ Thái	120.000.000	120.000.000
	5.845.815.868	5.699.728.911

(*) Theo Biên bản bàn giao Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh ngày 29/05/2015 giữa Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (CC1) với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh (DaHC) thì khoản nợ phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation bao gồm khoản tạm thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số DT-01 TBCD của nhà thầu IWHR Corporation Trung Quốc với số tiền 1.489.890 USD (tương đương 31.034.408.700 VND) và khoản công nợ dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tíh còn phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation số tiền 29.368.300.207 VND. Khoản tạm thu bảo lãnh được Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần chuyển lại cho Công ty giữ để thực hiện các nghĩa vụ còn lại với nhà thầu IWHR Corporation (nếu có).

Mọi tranh chấp sau này với nhà thầu IWHR Corporation do CC1 và DaHC cùng chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh sẽ sử dụng số tiền trên chi trả. Khi chi phí vượt số tiền trên thì hai bên cùng thương thảo, nếu không có tranh chấp xảy ra, số tiền trên sẽ được hạch toán giảm giá trị đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa liên lạc được với Công ty Beijing IWHR Corporation nên chưa thể thương thảo và xác định các nghĩa vụ liên quan đến khoản công nợ phải trả này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - Bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000	30.500.000.000	30.500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Võ Thái ⁽¹⁾	2.000.000.000	2.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Giáo dục SSG	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn - Bên khác	116.964.120.250	116.964.120.250	300.850.135.951	157.338.243.335	260.476.012.866	260.476.012.866
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông	29.553.052.748	29.553.052.748	7.689.818.105	37.242.870.853	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽²⁾	87.411.067.502	87.411.067.502	113.160.317.846	120.095.372.482	80.476.012.866	80.476.012.866
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định ⁽³⁾	-	-	180.000.000.000	-	180.000.000.000	180.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Bên khác	226.537.500.000	226.537.500.000	226.537.500.000	232.537.500.000	220.537.500.000	220.537.500.000
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	22.537.500.000	22.537.500.000	22.537.500.000	22.537.500.000	22.537.500.000	22.537.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽⁵⁾	204.000.000.000	204.000.000.000	204.000.000.000	210.000.000.000	198.000.000.000	198.000.000.000
	345.501.620.250	345.501.620.250	557.887.635.951	420.375.743.335	483.013.512.866	483.013.512.866

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê
Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn - Bên khác	1.105.859.375.000	1.105.859.375.000	-	232.537.500.000	873.321.875.000	873.321.875.000
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	140.859.375.000	140.859.375.000	-	22.537.500.000	118.321.875.000	118.321.875.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽⁵⁾	965.000.000.000	965.000.000.000	-	210.000.000.000	755.000.000.000	755.000.000.000
	<u>1.105.859.375.000</u>	<u>1.105.859.375.000</u>	<u>-</u>	<u>232.537.500.000</u>	<u>873.321.875.000</u>	<u>873.321.875.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(226.537.500.000)	(226.537.500.000)	(226.537.500.000)	(232.537.500.000)	(220.537.500.000)	(220.537.500.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>879.321.875.000</u>	<u>879.321.875.000</u>			<u>652.784.375.000</u>	<u>652.784.375.000</u>



Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025
Bên liên quan					
(1) Ông Võ Thái					
Hợp đồng vay tiền số 03/2021/HĐCV ngày 31/12/2021 và các phụ lục	Không lãi suất	Đến ngày 30/06/2026	Sử dụng cho các nhu cầu thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư dự án thủy điện Đắk	Tin chấp	2.000.000.000
Bên khác					
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An					
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT320- DKTIH ngày 20/06/2025	Theo từng Giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy	(*)	80.476.012.866
(3) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định					
Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02553/KHDN/25/HMCV ngày 04/06/2025	Theo từng Giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ	Vay vốn phục vụ nhu cầu đầu tư kinh doanh cổ phiếu (mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam)	Thế chấp 5.354.300 Cổ phiếu doanh nghiệp niêm yết IDC của Tổng Công ty IDICO - CTCP thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê nhà Tân Bách Việt theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0254/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ. Thế chấp 3.135.700 Cổ phiếu doanh nghiệp niêm yết IDC của Tổng Công ty IDICO - CTCP thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị Anh Trang và ông Bùi Tiến Dũng theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0255/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ.	180.000.000.000

262.476.012.866

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025
Bên khác					VND
(4) Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Hồ Chí Minh					118.321.875.000
Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 222025 ngày 14/03/2023	Lãi suất tham chiếu + Biên độ. Trong đó Biên độ: 2,4% trong năm đầu tiên và 2,8% trong những năm tiếp theo.	08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, phụ thuộc vào các lần gia hạn thêm (nếu có).	Trả các khoản nợ vay và lãi cho cổ đông	- Tiền lãi và lợi ích thu được Hợp đồng thuê đất; - Công trình xây dựng/ Dự án thủy điện An Phước (GCN bản gốc Quyền sử dụng đất sẽ được giữ tại Ngân hàng); - Hệ thống sản xuất năng lượng 12 Megawatt, Hệ thống dây điện 12 kilovolt, Máy móc thiết bị; - Quyền lợi từ khai thác nguồn nước - Các khoản phải thu và lợi ích từ Hợp đồng mua bán điện ký giữa Bên vay và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN); - Tất cả tài khoản mở tại ngân hàng.	118.321.875.000
(5) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An					755.000.000.000
Hợp đồng vay dự án đầu tư số 156/2024-HĐCVDADT/NHCT320-DAHC ngày 28/06/2024	Lãi suất có điều chỉnh. Lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2025 là 7,0%/năm	Đến ngày 28/06/2031	Bù đắp chi phí đã thực hiện của dự án Nhà máy thủy điện Đắk Kar	Thế chấp toàn bộ tài sản của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Kar được xây dựng và/ hoặc gắn liền với các thửa đất tại xã Đồng Nai và xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2024/HĐBĐ/NHCT320-DAKKAR.	125.000.000.000
Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 225/2024-HDDCVDADDT/NHCT320-DAHC ngày 22/05/2024	7,0%/năm	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê	(*)	630.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					873.321.875.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					(220.537.500.000)
					652.784.375.000

(*) Tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2024/HĐBĐ/NHCT320-DAKTIH ngày 03/06/2024:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/07/2018 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tiê:

- + Số CN295874 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03038;
- + Số CN295875 thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03039;
- + Số CN295882 thuộc thửa đất số 04 và 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03040;
- + Số CN295883 thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03041;
- + Số CN295884 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03042;
- + Số CN295885 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03043;
- + Số CN295886 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03044;
- + Số CN295887 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03045;
- + Số CN295888 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03046;
- + Số CN295891 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03047;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA122958 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00040 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 30/06/2010 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tiê;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02/07/2010 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tiê:

- + Số BA122962 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00044;
- + Số BA122963 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00045.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	657.439.447.100	121.454.501.518	1.985.474.338.677
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	379.120.697.263	(355.650.693)	378.765.046.570
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Chia cổ tức 2023	-	-	-	-	(600.000.000.000)	-	(600.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2024	-	-	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.122.295.232)	-	(10.122.295.232)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 tại Công ty con	-	-	-	-	(281.402.232)	(196.286.742)	(477.688.974)
Tặng khác	-	-	-	-	93.042.107	45.721.684	138.763.791
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	273.249.489.006	120.948.285.767	1.600.778.164.832
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	273.249.489.006	120.948.285.767	1.600.778.164.832
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	425.247.960.486	15.078.456.217	440.326.416.703
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước (*)	-	-	-	-	(7.350.000.000)	-	(7.350.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay (*)	-	-	-	-	(374.985.321)	(261.563.835)	(636.549.156)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Chia cổ tức các năm trước (*)	-	-	-	-	(200.000.000.000)	(4.520.000.000)	(204.520.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2025 (*)	-	-	-	-	(200.000.000.000)	(4.520.000.000)	(204.520.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	287.772.464.171	126.725.178.149	1.621.078.032.379

(*) Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ	Các công ty con phân phối cho	
		Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
		VND	VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.350.000.000	374.985.321	261.563.835
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3.000.000.000	-	-
- Chi trả cổ tức các năm trước	350.000.000.000	6.480.000.000	4.520.000.000
- Tạm ứng cổ tức năm 2025	200.000.000.000	-	4.520.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	46,77	467.673.620.000	46,77	467.673.620.000
Công ty TNHH Công nghệ cao Tuấn Long Việt Nam	16,03	160.278.640.000	0,00	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	10,00	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	5,59	55.903.650.000	5,59	55.903.650.000
Ông Đinh Văn Long	0,00	-	16,03	160.278.640.000
Các cổ đông khác	21,61	216.144.090.000	21,61	216.144.090.000
	100	1.000.000.000.000	100	1.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.229.084.242	9.333.353.242
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	204.520.000.000	600.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	204.520.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(406.615.962.500)	(748.104.269.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	13.653.121.742	11.229.084.242

d) Cổ phần	31/12/2025	01/01/2025
	Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	100.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
- Cổ phần phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Cổ phần phổ thông	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.062.463.077	54.062.463.077
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.786.574.982	20.786.574.982
	74.849.038.059	74.849.038.059

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng làm việc tại Tầng 32 Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê lại văn phòng số 05/2023/HĐCTVP ngày 01/10/2023. Tổng diện tích thuê là 12 m², thời hạn thuê là 36 tháng từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/09/2026. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar - Công ty con của Công ty của được nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm số 88/HĐTĐ ngày 06/10/2010 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước, mục đích xây dựng công trình năng lượng tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA088069 và BA0880070 với diện tích thuê lần lượt là 148.422,8 m² và 195.259,5 m², thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2060.
- Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, mục đích xây dựng công trình năng lượng tại xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 12.144,3 m². Thời hạn thuê đất từ ngày 26/03/2010 đến ngày 14/04/2060.

Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich - Công ty con của Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm với mục đích xây dựng công trình năng lượng tại xã Phú Sơn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU461394 với diện tích 258.683,2 m², thời hạn sử dụng đến ngày 20/06/2060. Công ty đang được miễn tiền thuê đất đến ngày 30/09/2034.

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	843.651.009.187	761.471.523.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.259.259	9.259.259
	843.660.268.446	761.480.783.249

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn điện đã bán	299.390.844.481	264.252.152.508
	299.390.844.481	264.252.152.508

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.892.160.153	7.084.313.593
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.144.757.500	11.783.124.749
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	58.734.000	30.688.903
	37.095.651.653	18.898.127.245
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan	35.599.138.573	6.449.580.823
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	74.648.090.102	67.738.800.907
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	12.272.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	432.384.000
	74.648.090.102	68.183.456.953
Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan	143.869.358	6.823.287.672
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	526.643.211	524.765.150
Chi phí nhân công	10.841.149.332	10.683.705.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.932.004	486.056.834
Lợi thế thương mại	5.813.206.501	5.813.206.501
Chi phí dự phòng	1.380.000.000	8.497.214.369
Thuế, phí, và lệ phí	9.000.000	146.229.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.196.035	4.093.642.679
Chi phí khác bằng tiền	2.658.900.330	2.995.985.791
	23.355.027.413	33.240.805.974
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan	64.260.000	64.260.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	109.878.336
Thu tiền phạt hợp đồng	3.832.650.000	-
Thu nhập từ hoàn trả tiền ứng hộ	350.000.000	-
Thu nhập khác	4.003	356.114.721
	4.182.654.003	465.993.057
Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan	-	243.976.677
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	392.050.557	-
Chi phí xử lý các dự án tồn đọng	202.962.963	7.528.822.442
Chi phí cho thuê nhà xưởng	12.121.220	71.577.612
Các khoản truy thu, bị phạt	42.029.224	1.148.671.278
Chi phí khác	669.275.525	2.359.510.600
	1.318.439.489	11.108.581.932

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	44.267.418.018	23.023.633.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	2.111.779.879	893.863.992
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	46.379.197.897	23.917.497.677

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	10%	10%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.863.072.676	4.342.514.659
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.863.072.676	4.342.514.659

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	1.377.361.937
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(479.441.983)	-
	(479.441.983)	1.377.361.937

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	425.247.960.486	379.120.697.263
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	425.247.960.486	379.120.697.263
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.252	3.791

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.962.899.020	8.128.617.899
Chi phí nhân công	39.743.060.212	37.494.919.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.337.338.788	108.946.400.559
Chi phí dự phòng	1.380.000.000	8.497.214.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.470.818.290	16.254.947.024
Chi phí khác bằng tiền	147.851.755.584	118.015.547.267
	322.745.871.894	297.337.646.816

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	531.897.774.000	531.897.774.000
	-	-	531.897.774.000	531.897.774.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	361.843.443.800	361.843.443.800
	-	-	361.843.443.800	361.843.443.800

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.192.598.868	-	-	14.192.598.868
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.933.474.491	10.710.000	-	286.944.184.491
Các khoản cho vay	97.500.000.000	-	-	97.500.000.000
	398.626.073.359	10.710.000	-	398.636.783.359
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.090.880.521	-	-	21.090.880.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	366.606.475.362	10.710.000	-	366.617.185.362
Các khoản cho vay	143.300.000.000	-	-	143.300.000.000
	530.997.355.883	10.710.000	-	531.008.065.883

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các khoản vay	483.013.512.866	652.784.375.000	-	1.135.797.887.866
Phải trả người bán, phải trả khác	28.483.486.801	61.604.391.439	-	90.087.878.240
Chi phí phải trả	6.186.360.392	-	-	6.186.360.392
	517.683.360.059	714.388.766.439	-	1.232.072.126.498
Tại ngày 01/01/2025				
Các khoản vay	345.501.620.250	879.321.875.000	-	1.224.823.495.250
Phải trả người bán, phải trả khác	22.743.767.300	71.415.975.439	-	94.159.742.739
Chi phí phải trả	5.714.888.283	-	-	5.714.888.283
	373.960.275.833	950.737.850.439	-	1.324.698.126.272

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	218.672.825.388	1.781.375.604.163
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	420.375.743.335	1.542.042.294.645

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	Cổ đông lớn
- Công ty TNHH Công nghệ Cao Tuấn Long Việt Nam	Cổ đông lớn
- Ông Đinh Văn Long	Cổ đông lớn (Trong năm đã chuyển nhượng cổ phần)
- Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	Cùng chủ sở hữu với cổ đông lớn là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt
- Bà Nguyễn Hồng Phương	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Vũ Ngọc Đan Thanh	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Ông Bùi Quốc Trung	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Ông Đặng Việt Dũng	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Đinh Thị Thúy	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Đặng Phương Thảo	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trung Việt	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Giáo dục SSG	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Idergy	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Ông Nguyễn Văn Thịnh là Thành viên Hội đồng quản trị và Ông Võ Thái là Trưởng ban kiểm soát
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Cổ tức nhận được	31.307.934.500	31.373.709.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	31.307.934.500	31.373.709.000
<i>Trong đó, Cổ tức nhận được trước giai đoạn đầu tư:</i>	<i>5.163.177.000</i>	<i>31.373.709.000</i>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.454.381.073	6.449.580.823
Bà Hoàng Anh Trang	2.987.707.840	578.630.137
Bà Vũ Ngọc Đan Thanh	1.096.602.739	-
Ông Đặng Việt Dũng	395.849.315	-
Bà Nguyễn Hồng Phương	466.842.740	-
Ông Bùi Quốc Trung	3.152.697.618	448.767.123
Bà Đinh Thị Thúy	19.643.835	-
Bà Đặng Phương Thảo	52.520.548	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trung Việt	3.287.671	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	1.279.228.767	1.664.153.425
Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	-	3.758.030.138
Chi phí tài chính	143.869.358	6.823.287.672
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	-	5.844.109.590
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	-	469.369.863
Công ty Cổ phần Idergy	-	509.808.219
Ông Võ Thái	4.592.646	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Giáo dục SSG	139.276.712	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.260.000	64.260.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	64.260.000	64.260.000
Thu nhập khác	-	243.976.677
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	-	243.976.677
Chi trả cổ tức cho cổ đông tại Công ty mẹ	165.542.534.000	480.613.503.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	93.534.724.000	277.733.673.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	20.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	11.180.730.000	33.542.190.000
Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	7.276.132.000	10.964.796.000
Công ty TNHH Công nghệ Cao Tuấn Long Việt Nam	32.055.728.000	-
Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn	1.000.000.000	750.000.000
Ông Đinh Văn Long	-	96.167.184.000
Bà Hoàng Thị Anh Trang	495.220.000	1.455.660.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt tại Công ty mẹ			
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	2.653.605.000	4.986.780.000
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	360.000.000	820.000.000
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên HĐQT	1.039.100.000	2.153.600.000
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT	180.000.000	390.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Công	Thành viên HĐQT	180.000.000	282.500.000
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	282.500.000
Ông Võ Thái	Trưởng ban kiểm soát	402.505.000	832.180.000
Ông Trần Quý Đạt	Thành viên BKS	120.000.000	90.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thế	Thành viên BKS	96.000.000	68.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026